Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 54

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ VĂN MIẾU

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường tỉnh 316C	Giáp địa giới hành chính xã Võ Miếu	Đường rẽ Cầu Đen	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
2		Đường rẽ Cầu Đen	Hết nhà ông Quân Hà	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
3		Giáp nhà ông Quân Hà	Giáp địa giới hành chính xã Minh Đài	1.700	900	700	700	400	300	500	300	170
4	Đường tỉnh 316D	Ngã ba Chợ Văn Miếu	Hết ruộng ổ Cò	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
5		Giáp ruộng ổ Cò	Giáp địa giới hành chính xã Long Cốc	1.200	700	500	500	300	200	400	200	120
6	Đường tỉnh 316L	Ngã ba đi Minh Đài, xóm Mật 1	Hết nhà ông Cồ, xóm Mật 2	2.200	1.200	900	900	500	400	700	400	300
7		Giáp nhà ông Cồ, xóm Mật 1	Cây xăng Hòa Liên, xóm Dẹ 1	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
8		Giáp cây xăng Hòa Liên	Hết nhà ông Thanh Dẹ 2	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
9		Giáp nhà ông Thanh Dẹ 2	Hết nhà ông Thao Dung, Dẹ 2	2.200	1.200	900	900	500	400	700	400	300
10		Giáp nhà ông Thao Dung, xóm Dẹ 2	Hết nhà ông Thiện, xóm Lâm Phú	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
11		Giáp nhà ông Thiện, xóm Văn Phú	Trường Tiểu học Văn Miếu 2	1.500	800	600	600	300	200	500	200	150
12		Trường Tiểu học Văn Miếu 2	Cầu Tràn Hẹ (xóm Trầu)	1.300	700	500	500	300	200	400	200	130
13		Cầu Tràn Hẹ	Hết chợ Tân Minh (cũ)	700	400	300	300	200	110	210	120	110
14		Giáp chợ Tân Minh (cũ)	Hết nhà ông Nguyễn Văn Toản, khu Gằn	1.000	550	400	400	220	160	300	170	120
15		Hết nhà ông Nguyễn Văn Toản, khu Gằn	Giáp địa giới hành chính xã Hương Cần	700	380	280	280	150	110	210	120	110
16		Giáp địa giới hành chính xã Hương Cần	Nhà ông Đinh Văn Chỉnh, khu Chầm 1	900	500	400	400	220	160	300	170	130
17		Nhà ông Đinh Văn Chỉnh, khu Chầm 1	Ngã 3 xóm Dớn	900	500	400	400	220	160	300	170	130
18		Ngã 3 xóm Dớn	Xã Tân Minh (Giáp xã Hương Cần cũ)	600	330	240	240	130	100	180	110	100

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
19	Đường liên xã	Ngã ba xóm Trống	Giáp địa giới hành chính xã Khả Cửu	1.000	600	400	400	200	100	300	200	100
20		Nhà Ông Cống Dẹ 1	Cổng trường THPT	2.300	1.300	900	900	500	400	700	400	300
21		Ngã ba xóm Kén	Giáp địa giới hành chính xã Long Cốc	1.500	800	600	600	300	200	500	200	150
22		Tỉnh lộ 316L	Nghĩa trang khu Chầm 1	1.000	600	400	400	200	100	300	200	140
23		Nghĩa trang khu Chầm 1, qua dốc Chu Biên	Giáp địa giới hành chính xã Hương Cần	500	280	200	250	140	100	160	130	110
*	**Khu đấu giá quyền sử dụng đất**											
24	Băng 1: Vị trí đấu giá tiếp giáp đường Tỉnh lộ 316L			1.000			500			400		
25	Băng 1: Vị trí đấu giá tiếp giáp đường Tỉnh lộ 316C			4.500			2.300			1.800		
26	Băng 2: Vị trí đấu giá giáp đường quy hoạch khu đấu giá (LK02)			3.000			1.500			1.200		
27	Băng 3: Vị trí đấu giá còn lại tiếp giáp đường quy hoạch trong khu vực dự án			2.500			1.300			1.000		
28	Đất khu tập trung dân cư nông thôn			500			200			150		
29	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			450			180			140		